

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÍ LINH  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 17/01/2022

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Bạ.
2. Ông Nguyễn Thanh Minh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Thái Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở TAND thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Như Q, sinh năm 1990.

Đăng ký thường trú tại: phòng 1419 Chung cư H, phường N, quận L, thành phố Hà Nội (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*)

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Quang T, sinh năm 1985.

Đăng ký thường trú tại: số 91 phố L (nay là số 61 đường T) khu dân cư số 11 N, phường P, thành phố C, tỉnh Hải Dương (*vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Như Q và bị đơn là anh Phạm Quang T trình bày: Anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 08/5/2014 tại UBND phường P, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm việc và sinh sống tại thành phố H. Theo

chị Q, đến tháng 3 năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Điều này dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống nặng nề, ảnh hưởng xấu đến tâm lý, cuộc sống và công việc của chị. Từ tháng 11 năm 2019, anh T đã về quê làm kinh tế, còn chị vẫn làm việc tại thành phố H. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không thăm nom, quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Anh T cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh từ giữa năm 2019. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Do tính chất công việc của anh làm công trình xa, ít có thời gian ở nhà, vợ chồng ít có điều kiện gần gũi, quan tâm. Từ tháng 5 năm 2021, anh đã về làm việc tại thành phố C, tỉnh Hải Dương. Anh có gọi điện hỏi thăm nhưng chị Q đã chặn số liên lạc. Nay chị Q tiếp tục làm đơn thì anh vẫn giữ nguyên quan điểm là không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 06/11/2014. Hiện cháu V đang ở cùng chị Q. Khi ly hôn, chị Q và anh T đều có nguyện vọng được nuôi cháu và không yêu cầu người kia cấp cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp đối với công sức gia đình hai bên: vợ chồng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phạm Văn X là bố đẻ của anh T xác định: trong quá trình sinh sống, giữa chị Q và anh T có mâu thuẫn, có lần ông đã phải hòa giải giữa anh chị. Kể từ tháng 5 năm 2021, anh T về thành phố C làm kinh tế và tự đó anh chị không chung sống cùng nhau. Ông đã nhiều lần gọi điện động viên anh chị tiếp tục chung sống nhưng chị Q không nhất trí. Hiện con chung của anh chị là cháu Phạm Quang V sống cùng chị Q tại thành phố Hà Nội.

Trưởng khu dân cư số 11 N, phường P xác định sau khi vợ chồng anh T và chị Q kết hôn thì anh, chị không sinh sống ở khu dân cư mà sinh sống và làm việc tại thành phố Hà Nội. Từ cuối năm 2019, không thấy chị Q nhà bố mẹ chồng nữa. Ông được biết nguyên nhân của việc này là do anh chị có mâu thuẫn, còn nguyên nhân cụ thể thì ông không nắm được. Anh chị có 1 con chung là Phạm Quang V và hiện cháu đang ở cùng với chị Q.

Bà Vũ Quỳnh H là mẹ đẻ của chị Q xác định bà đang chung sống cùng chị Q và cháu V. Bà sẽ hỗ trợ chị Q trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V nếu chị Q được Tòa án giao nuôi con.

Tại phiên tòa, chị Q và anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Q

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Phạm Quang T.

Về con chung: Giao con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 06/11/2014 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Như Q khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với anh Phạm Quang T có địa chỉ thường trú tại phường P, thành phố C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chị Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Như Q và anh Phạm Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 08/5/2014 tại UBND phường P, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, giữa anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi

nhau. Từ tháng 5 năm 2021, anh T về thành phố Chí Linh làm kinh tế và sinh sống, còn chị Q vẫn ở thành phố Hà Nội. Kể từ đó, vợ chồng không chung sống cùng nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị Q đã làm đơn ly hôn anh Thao vào tháng 6 năm 2021 nhưng sau đó đã rút đơn để vợ chồng có điều kiện hàn gắn. Đến nay chị Q tiếp tục xin ly hôn. Anh T không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp tích cực nào để cải thiện mâu thuẫn theo hướng tích cực vì từ khi chị Q làm đơn xin ly hôn đến nay, tình trạng vợ chồng không thay đổi, vợ chồng vẫn sống ly thân. Như vậy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Q là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 06/11/2014. Khi ly hôn, chị Q và anh T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu người kia cấp dưỡng. Tại bản tự khai của mình, cháu V có nguyện vọng muốn ở với chị Q. HĐXX xét thấy cháu V ở với chị Q từ nhỏ và được đảm bảo đầy đủ về vật chất, tinh thần. Chị Q có là điều dưỡng viên ở bệnh viện Quân đội 108 và có thu nhập ổn định. Chị ở cùng với mẹ đẻ và được mẹ đẻ hỗ trợ việc chăm sóc, nuôi dưỡng con. Anh T có công việc ổn định nhưng phải làm theo công trình nên không thường xuyên ở nhà. Vì vậy, việc để chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu V sẽ giúp việc học tập và cuộc sống của cháu V được ổn định và phù hợp với nguyện vọng của cháu nên cần thiết giao cháu V cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Việc chị Q không yêu cầu anh T cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Q là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Như Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Như Q được ly hôn anh Phạm Quang T.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Quang V, sinh ngày 06/11/2014 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Q về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Như Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Đồi trừ vào số tiền 300.000 đồng mà chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2020/0002758 ngày 07/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị Q đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Chí Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Chí Linh;
- UBND phường P, TP C;
- Lưu: Tòa án, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Hà**